

Số: 21 /NQ-HĐND

TP. Tây Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của
Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KHÓA XI, NHIỆM KỲ 2016 – 2021, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Xét Tờ trình số 14/TTr-HĐND ngày 04/12//2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Tây Ninh khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội HĐND Thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thứ 10,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2020, số tiền: **1.773.792.000 đồng** (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng).

(Kèm dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động HĐND Thành phố năm 2020).

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quản lý, điều tiết đảm bảo cân đối cho các hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Tây Ninh, thực hiện đúng yêu cầu, chế độ và quyết toán đúng quy định về quản lý tài chính.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 thông qua kỳ họp thứ 10 ngày 13/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh TN;
- UBND tỉnh TN;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Lưu: VT. *HT*



Hồ Tuyết Huỳnh Mai

DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND, ngày 17 tháng 12 năm 2019 của HĐND TP)

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
01	Sinh hoạt phí cho ĐB. HĐND	236.016.000	(0,4 x 1.490.000 x 12 tháng x 33 đại biểu)
02	Kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe	23.100.000	(33 đại biểu x 700.000đồng/đại biểu)
03	Báo Đại biểu nhân dân và báo TN cho ĐB. HĐND Thành phố	89.467.000	(ước thực hiện năm 2019 là 85.207.000đ x 5% chênh lệch tăng so với năm 2019)
04	Khoản phí khai thác internet	39.600.000	(33 đại biểu x 100.000đồng/đại biểu x 12 tháng)
05	BHYT cho đại biểu không lương	1.609.000	
06	Tổ chức kỳ họp HĐND 4 kỳ (2 thường lệ + 2 bất thường)	120.000.000	(30.000.000 x 4 kỳ họp)
07	Kinh phí bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp	3.600.000	(03 đb x 04 kỳ họp x 300.000đ/kỳ họp)
08	Kinh phí bồi dưỡng Thư ký kỳ họp	2.400.000	(02 đb x 4 kỳ x 300.000đ/kỳ họp)
09	Hỗ trợ tiền xăng cho đại diện cử tri dự kỳ họp	480.000	(02 kỳ x 2đb x 60.000đ/đb/ngày x 2 ngày)
10	Chuẩn bị báo cáo, đề án, nghị quyết	62.000.000	(5ĐA+ 125 BC + 25NQ) x 400.000đ
11	Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri trước sau kỳ họp thường lệ của HĐND	24.000.000	10 điểm x 4 cuộc x 600.000đ/cuộc
12	Tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề	2.400.000	4 cuộc x 600.000đ/cuộc
13	Cá nhân tham dự tiếp xúc cử tri trước sau kỳ họp thường lệ của HĐND	52.000.000	4 cuộc x 13.000.000đ/cuộc
14	Cá nhân dự tiếp xúc cử tri chuyên đề	12.000.000	4 cuộc x 3.000.000 đ/cuộc
15	Hoạt động giám sát, khảo sát của T.Trực và hai Ban (xây dựng KH, báo cáo kết luận, tổ chức giám sát).	160.000.000	40 cuộc x 4.000.000đ/cuộc
16	Họp đoàn thông qua báo cáo kết quả giám sát	3.600.000	40 cuộc x 900.000đ/cuộc
17	TT. HĐND tổ chức họp chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp HĐND	6.400.000	4 cuộc x 20 người x 80.000đ/người/ngày

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
18	Họp Thường trực HĐND định kỳ theo quy chế	14.400.000	12 cuộc x 15 x 80.000đ/người/ngày
19	Hội nghị giao ban quý I, 6, 9 tháng, năm của Thường trực HĐND	9.600.000	4 cuộc x 30đb x 80.000đ/ngày
20	Hai Ban HĐND họp chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND	12.160.000	2 Ban x 4 cuộc x 19 người x 80.000đ/ngày
21	Hai Ban họp thẩm tra các báo cáo, đề án	12.160.000	2 Ban x 4 cuộc x 19 người x 80.000đ
22	Hai ban HĐND họp giao ban định kỳ quý I, 6,9 tháng, năm	9.600.000	2 Ban x 4 cuộc x 15 người x 80.000đ x ngày
23	Hỗ trợ tiền ăn đại biểu họp Tổ đại biểu định kỳ hàng quý theo quy chế	10.560.000	8 Tổ = 33 x 4 quý x 80.000đ/người/ngày.
24	Họp Tổ đại biểu góp ý nội dung kỳ họp	10.560.000	8 Tổ= 33đb x 4 cuộc x 80.000đ/người/ngày
25	Tổ đại biểu HĐND tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng, tổng kết hoạt động năm	5.280.000	8 Tổ = 33 đb x 80.000đ/ngày/người x 2 cuộc
26	Hội nghị hướng dẫn hoạt động và tập huấn kỹ năng nâng cao chất lượng hoạt động cho đại biểu HĐND	9.200.000	02 cuộc x 50đb x 80.000đ/ ngày + 02 báo cáo viên
27	Kinh phí bồi dưỡng Đại biểu HĐND trực tiếp công dân theo định kỳ	3.300.000	33 đại biểu x 01 lần/năm x 100.000đ/người
28	Kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân	3.300.000	33 ngày x 100.000đ/ngày
29	Chi phúc lợi	15.000.000	
30	Trao đổi học tập kinh nghiệm hoạt động HĐND với HĐND tỉnh bạn	520.000.000	1 cuộc x 40 đb x 13.000.000đ/đb
31	Chi nước uống, làm thêm giờ, văn phòng phẩm phục vụ cho hoạt động và các kỳ họp HĐND, xăng phục vụ cho hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát của TT và hai Ban HĐND, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, chi tiếp khách, phục vụ các hội nghị chuyên đề phối hợp của HĐND-UBND-UB.MTTQVN Thành phố,...	300.000.000	
<u>TỔNG CỘNG</u>		<u>1.773.792.000</u>	